

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIỆM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tổ Vân

Thời gian: 26/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 39

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật!

Hôm nay, tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ chín:

PHẨM THỨ CHÍN: VIÊN MÃN THÀNH TỰU

Phần trước của phẩm này là nói về nhân mà đại sĩ Pháp Tạng đã tu trong nhiều kiếp. Bắt đầu từ phẩm này sẽ giảng về thánh quả cảm được từ nhân mà đại sĩ đã tu. Phẩm này có ba nội dung:

1. Phật tán thán đại sĩ Pháp Tạng viên mãn thành tựu thế nguyện.
2. Ngài A-nan khởi thỉnh.
3. Thế Tôn như lý trả lời.

Mời xem kinh văn:

Phật bảo A-nan, tỳ-kheo Pháp Tạng tu Bồ-tát hạnh, tích công lũy đức vô lượng vô biên, với hết thảy pháp đều được tự tại, chẳng thể dùng lời lẽ, phân biệt mà có thể hiểu được.

Phật bảo ngài A-nan: tỳ-kheo Pháp Tạng tu lục độ vạn hạnh mà Bồ-tát tu, tích lũy rộng lớn các loại công đức, vô lượng vô biên, đều thông đạt tự tại, không có chướng ngại với hết thảy mọi loại pháp. Ý nghĩa của câu này rất sâu. Đức Phật từng nói: “Ta là Pháp vương, tự tại với tất cả pháp.” Ta là Pháp vương, không gì có thể vượt qua được ta, không chế được ta, đều viên dung vô ngại trong hết thảy pháp. Đây là lời tán thán cùng cực, không gì hơn được nữa của Thích-ca Mâu-ni Phật dành cho tỳ-kheo Pháp Tạng. Cũng chính là nói, tỳ-kheo Pháp Tạng lúc này giống như Thích-ca Mâu-ni Phật vậy, đã đạt được sự giác ngộ vô thượng “tự tại vô ngại với hết thảy pháp bình đẳng”.

“Chẳng thể dùng lời lẽ, phân biệt mà có thể hiểu được”, điều này biểu thị cho sự thành tựu vô thượng của đại sĩ Pháp Tạng, đương nhiên trong đó bao gồm “đều được tự tại với hết thảy pháp”, đây là sự sâu xa huyền bí không gì bằng. Tuyệt đường ngôn ngữ, ngôn ngữ chẳng thể thông đến; bất dẫu tâm hành, tác dụng của tâm không thể đạt tới. Tâm của chúng sanh chỉ là phân biệt, đều là tác dụng của thức thứ sáu, hễ khởi niệm, liền có phân biệt. Điều mà hiện nói đến không phải là thứ mà tâm phân biệt có thể hiểu rõ, cho nên vọng tâm của con người cũng đành bất lực. Đây chính là nói, đối với cảnh giới của đại sĩ Pháp Tạng, tâm phàm của chúng sanh chẳng thể suy đoán được.

Ý nghĩa sâu xa của bốn chữ “đều được tự tại” có thể từ nơi danh hiệu của Bồ-tát Quán Tự Tại trong Tâm Kinh mà lĩnh hội. Hai chữ “tự tại” có ý nghĩa rất thâm sâu. “Tự” là chỉ tự tánh, tự tâm. “Quán tự tại” chính là quán chiếu tự tâm tự tánh có tại đó hay không. Thế nào gọi là “tại”? Tổ sư trong Tông môn nói “rỗng rang, chỉ còn một”. “Rỗng rang” chính là “thoát hẳn căn trần” mà thiền sư Bách Trượng nói. Từ trong sáu căn sáu trần mà thoát ra hoàn toàn, “chỉ còn một” chính là “linh quang độc diệu”. Có thể chứng minh mười phương chư Phật và lịch đại tổ sư đều nói hoàn toàn nhất quán.

Tự tánh, tự tâm này đúng như lời hòa thượng Bồ Đai nói “vật linh nhất trong mười phương thế giới”, cho nên gọi là “linh”. Quang minh chính là trí tuệ, cho nên gọi là “quang”. Lẽ loi không bẻ gãy, không một vật nào có thể cùng tận số, cho nên gọi là “độc”. Lặng lẽ thường chiếu, cho nên gọi là “diệu”. Do vậy “rỗng rang, chỉ còn một” và “linh quang độc diệu” đều hiển thị sự có mặt “tại đó” của tự tâm. Cho nên nói, Quán Tự Tại chính là hoàn toàn minh tâm, triệt để kiến tánh. Ở trong bất kỳ tình huống nào, tự tâm tự tánh đều hiện tiền trọn vẹn, không bị hết thảy làm chướng ngại, khi đó mới thật sự là “đều được tự tại với hết thảy pháp”.

Hiện nay, có một số người tu hành, thỉnh thoảng cũng nghĩ đến tự tâm và tự tánh, nhưng thoáng một cái, không biết tâm đã chạy đi đâu. Đây chính là đã bị phiền não và pháp thế gian dắt mũi quay vòng ở nơi nhơ bẩn nào đó rồi. Nếu thật sự đã hoàn toàn thấy tâm, triệt để thấy tánh thì đó là bát-nhã thậm thâm, bát-nhã triệt để nhất. Do vậy có thể chiếu tan năm uẩn, vượt qua hết thảy khổ ách, tự tại vô ngại.

Chúng ta nên lấy việc biết có tự tâm làm nhân, biết tự tâm vốn không sanh diệt, không có tăng giảm; mọi lúc mọi nơi quán chiếu tự tâm, đây là nhân, quả đạt

được chính là khôi phục triệt để sự thường chiếu sáng suốt mà vắng lặng của tự tâm. Cho nên nhân quả như một, không thể nghĩ bàn.

“Chẳng thể dùng lời lẽ, phân biệt mà có thể hiểu được”, câu này rất quan trọng, cũng rất dễ hiểu. Thế nhưng “nhà Phật học” càng sâu, thường càng không hiểu. Họ không thừa nhận câu này, đại khái họ cho rằng người khác có thể không hiểu, nhưng họ là nhà Phật học, cho nên họ phải hiểu hết. Họ không những hiểu, mà còn có thể làm trọng tài. Đối với kinh Phật nào nhìn không vừa mắt, họ liền nói là giả, bèn rút thẻ đỏ, phạt ra khỏi sân.

“Chẳng thể dùng lời lẽ, phân biệt mà có thể hiểu được” cùng với câu “pháp này chẳng do suy lường phân biệt mà hiểu được” trong kinh Pháp Hoa là hoàn toàn đồng nhất. Hai câu này về mặt văn tự có hơi khác nhau, nhưng về thật nghĩa thì hoàn toàn không hai. Câu cuối cùng trong bài kệ khai kinh mà chúng ta thường đọc là “nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”, câu này rất hay, biểu thị chẳng thể lý giải được vọng tâm sanh diệt ngay hiện tại của chúng sanh, cho nên cầu nguyện Phật lực gia bị, khiến mình có thể hiểu được.

Kinh Pháp Hoa nói: “Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời.” Đại sự nhân duyên này chính là muốn mọi người ngộ nhập tri kiến Phật. Đã là chúng sanh, nên thứ hiện nay sở hữu chỉ là tri kiến của chúng sanh, vì thế phải dùng từ “xả” trong từ bi hỷ xả, phải xả bỏ tri kiến của chính mình. Có rất nhiều người chỉ ôm giữ tri kiến của mình không buông, căn cứ vào tri kiến chúng sanh của mình để bình phẩm, phê phán tri kiến của Phật, như vậy thì họ vĩnh viễn không thể nào hiểu được. Cho nên, phải xả bỏ hết tình kiến chúng sanh của bạn. Thường nói, xả thân dễ, xả kiến khó, do vậy trước hết mọi người phải dụng công trên chữ xả. Thường nói “dứt sạch phàm tình, chẳng còn thánh giải”, chính là nói, trước hết bạn hãy xả bỏ hết tri kiến phàm phu của mình. Ví như một cái bình đựng đầy hồ dán, bạn dùng để đựng cam lồ thì không thể đựng được, nhất định phải rửa sạch bình rồi hãy tính.

Viên giác là một tên gọi khác của chân như thật tướng. Kinh Viên Giác nói: “Chưa ra khỏi luân hồi, mà muốn bàn đến viên giác.” Chưa ra khỏi luân hồi, vẫn ở trong sanh tử, tâm của bạn chính là tâm sanh diệt. Trong tâm sanh diệt, vọng tưởng là tiếp nối không ngừng, niệm trước diệt, niệm sau sanh, cứ mãi sanh diệt sanh diệt không dừng. Vì vọng tưởng tiếp nối không ngừng, nên “chưa ra khỏi luân hồi.” Trong tình huống này, muốn làm rõ cái gì là viên giác, kết quả chỉ có thể là “tánh

viên giác ấy cũng bị lưu chuyển”. Đây là nói, bạn muốn làm rõ tánh thật của viên giác thì nó cũng giống như vọng tưởng của bạn, cũng là đang lưu chuyển. Cho nên, bạn không thể thực sự lý giải được viên giác. Câu trong kinh Viên Giác trên là chứng minh cho câu “chẳng thể dùng lời lẽ, phân biệt mà có thể hiểu được” của kinh này, và hoàn toàn đồng nhất với câu “pháp này chẳng do suy lường phân biệt mà hiểu được” của kinh Pháp Hoa.

Điều này đúng như trong kinh giáo nói: vì khuôn có thể có mặt khắp nơi, duy chỉ không thể ở trên bó đuốc; tâm của chúng sanh nơi nơi đều có thể duyên, duy chỉ không thể duyên đến bát-nhã. Chúng ta nên biết, hết thảy lời giáo huấn của Như Lai đều là ngón tay chỉ mặt trăng. Như Lai chỉ ra phương hướng để thấy được mặt trăng, tuyệt đối không thể bỏ ngón tay chỉ mặt trăng của Như Lai, đây gọi là bỏ ngón tay mà nhận mặt trăng, như vậy càng khó nhận ra mặt trăng hơn. Càng không thể chấp ngón tay là mặt trăng, nhận ngón tay của Như Lai là mặt trăng sáng, như vậy ba đời chư Phật đều bị hàm oan. Thế nên, kinh giáo là biển chỉ đường, làm một mũi tên, trên đó viết Di Hòa Viên, mọi người theo hướng mũi tên chỉ, nhất định sẽ tìm thấy Di Hòa Viên, nhưng tuyệt đối không được cho rằng biển chỉ đường chính là Di Hòa Viên.

Lại ví dụ, Hoàng Niệm lão nêu ra cho chúng ta một ví dụ sau:

Một vài người tìm trên bản đồ xem Pa-ri ở đâu, có người mắt tinh, phát hiện ra trước, anh ta dùng ngón tay chỉ vào bản đồ nói: “Pa-ri ở đây.” Lời nói của anh ấy vừa đúng, lại vừa sai. Nói anh ấy đúng, vì chỗ anh chỉ quả thật là Pa-ri trên bản đồ; nói anh ấy sai, vì anh ta và bản đồ đều ở trong phòng của ngài Hoàng Niệm Tổ ở Bắc Kinh, Trung Quốc, chỗ này không phải là Pa-ri.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Thệ nguyện đã phát, thành tựu viên mãn, như thật an trụ, cõi Phật thanh tịnh, uy đức rộng lớn, đầy đủ các sự trang nghiêm.

Đoạn kinh văn trước là nói về thành tựu chánh báo của đại sĩ Pháp Tạng, đoạn này là nói về sự thành tựu của cõi Phật được nhiếp, tức là thành tựu về y báo. Đại ý của đoạn kinh văn này là: 48 nguyện đã phát trong quá khứ, toàn bộ đã thành hiện thực, “như thật an trụ” cõi Phật được kiến lập. “Thật” là chỉ thật tướng, cũng chính là cảnh giới vi diệu của “như như”. Cõi nước nhiếp trọn lấy sự vi diệu thù thắng của

các cõi Phật, cho nên nói “đầy đủ các sự trang nghiêm”. Hết thấy sự trang nghiêm của cõi Phật, khiến người ta bất giác kính ngưỡng, gọi là “uy”. Vạn vật trong nước đều khiến người được tăng thượng, gọi là “đức”. Hết thấy mọi thứ trong cõi nước đều chẳng thể cùng tận, nên gọi là “rộng lớn”. “Vô Lượng Thanh Tịnh Giác” là một danh hiệu khác của A-di-đà Phật, vì thế nơi Phật ở là cõi Phật thanh tịnh, tâm và cõi nước là một.

Tiếp theo, lần lượt giải thích sáu câu kinh văn này:

“Thệ nguyện đã phát, thành tựu viên mãn.”

“Viên” là viên diệp. “Mãn” là đầy đủ, không thiếu sót chút nào. “Thành tựu” là đã thành hiện thực, thành công. Trong Vãng Sanh Luận Chú nói: Bồ-tát Pháp Tạng đã phát 48 nguyện, ngày nay đều đã thật sự thành công, đã thành tựu nên A-di-đà Như Lai. Từ thệ nguyện tự nhiên sanh ra thân lực, đây là “nguyện làm ra lực”, từ nguyện của bạn mà sanh ra sức mạnh. “Lực thành tựu nguyện”, nguyện lực của tôi là để thực hiện nguyện này của tôi.

“Nguyện chẳng luống công”, nguyện không phải phát suông. “Lực không vô dụng”, sức mạnh được sinh ra cũng không phải rỗng không, vô dụng. Nguyện tất nhiên sanh ra sức mạnh, sức mạnh chính là muốn thực hiện nguyện này. Lực và nguyện kết hợp với nhau, là nhất quán. Nguyện lớn cỡ nào thì lực lớn cỡ đó, sau cùng khiến nguyện này có thể thực hiện, có thể thành hiện thực. Bốn mươi tám đại nguyện mà đại sĩ Pháp Tạng phát ra đã viên mãn thành tựu, nên nguyện “mười niệm ắt sanh” cũng thành tựu rồi. Lúc lâm chung niệm mười câu là có thể vãng sanh. Chỉ cần sanh đến cõi nước Cực Lạc thì sẽ không thoái chuyển, chính là A-bệ-bạt-trí, một đời thành Phật.

“Như thật an trụ.”

Trước đó đã nói, tức là như như mà an trụ. Ý nghĩa của “như thật” đồng với “như thật” trong “như thật biết tự tâm” của Mật tông. Vì mọi người không hiểu Mật tông, luôn cho rằng có một chiêu thức khéo léo có thể khiến người ta xuất hiện năng lực siêu phàm. Những tư tưởng này đều thuộc về ngoại đạo dựa hơi pháp. Yếu lĩnh của Mật tông là “như thật biết tự tâm”, đây là căn bản của Mật tông. Bạn không biết căn bản thì học pháp vô ích. “Như thật an trụ” và “như thật biết tự tâm”, hai chữ

“như thật” này là giống nhau, nó còn cao hơn “như thật biết tự tâm” một chút. Đây là cảnh giới phá trùng quan của Thiền tông.

Điều trong kinh này nói không những là “biết”, mà còn là “an trụ”. Nó là an trụ vào tự tâm, an trụ vào bến bờ chân thật, an trụ vào thật tướng các pháp, an trụ vào pháp thân.

Trong Vãng Sanh Luận nói: ba loại trang nghiêm trong nước Cực Lạc nhập vào một câu pháp, một câu pháp là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Vì thân và cõi nước Cực Lạc chính là pháp thân, pháp thân thường trụ, ba đời như nhau. Quá khứ, hiện tại, vị lai là ba đời, ba đời không có phân biệt, đã đột phá không gian, đây chính là cảnh giới pháp thân. Vì pháp thân chân thường, nên cõi nước rốt ráo của Cực Lạc gọi là Thường tịch quang.

“Đầy đủ các sự trang nghiêm.”

Khi đại sĩ Pháp Tạng phát thệ tu tập, “đối với sự công đức trang nghiêm của hai mươi một câu-chi cõi Phật, sáng tỏ thông đạt, như một cõi Phật. Cõi Phật được nhiếp, vượt hơn những cõi đó”.

Trong phẩm “Quốc giới nghiêm tịnh” nói: “Cõi Cực Lạc đó... đầy đủ trang nghiêm... vì diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm, vượt trội hết thấy thế giới mười phương”. Có thể thấy Cực Lạc là do rộng nhiếp sự trang nghiêm vi diệu của vô lượng cõi Phật mà thành tựu, cho nên là “đầy đủ các sự trang nghiêm”. Lại còn là sự lưu hiện của câu thanh tịnh, trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Do vậy, tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, cho nên “đầy đủ các sự trang nghiêm”.

“Uy đức rộng lớn.”

Đáng kính đáng sợ thì gọi là “uy”, đáng tôn đáng yêu thì gọi là “đức”. “Uy” là uy lực, uy nghi, khiến người ta bất giác kính cẩn, không dám phóng túng. “Đức” là có đức với người khác, khiến người tôn kính yêu mến. Hương thơm, ánh sáng, âm thanh của cõi nước Cực Lạc đều làm Phật sự, lợi ích chúng sanh, một sợi lông, một hạt bụi đều viên minh đầy đủ đức, vì thế gọi là “đức”. Hơn nữa, giáo hóa chúng sanh có hai hình thức: một là chiết phục, hai là nhiếp thọ. Chiết phục là uy, nhiếp thọ là đức. Khi độ sanh, thường phải chiết phục trước, rồi mới có thể nhiếp thọ. Chiết phục là uy. Ví dụ, biện luận với ngoại đạo, chỉ sau khi chiết phục được họ, thuyết phục đánh bại họ thì mới có khả năng nhiếp thọ họ làm đệ tử Phật.

“Rộng lớn”, không gì không bao gồm, không gì không dung chứa, gọi là “lớn”. Cùng cực bản thể, diệu dụng vô cùng, gọi là “rộng”. Ý nghĩa của “rộng lớn” có thể dùng ngôn ngữ cận đại để giải thích, đó chính là “số vô hạn” trong toán học. Số vô hạn chia với bất kỳ số nào vẫn là lớn vô hạn, chia nó ra ngàn phần vạn phần ức phần, bất kể bao nhiêu phần, mỗi một phần đều là lớn vô hạn, vì thế nó không thể cùng tận.

Hiện tại, chư Như Lai trong cõi Phật mười phương, đều khuyên bảo nhân dân nước mình vãng sanh Cực Lạc, mặc dù bốn phương tám hướng vĩnh viễn không ngừng vãng sanh Cực Lạc, Cực Lạc vĩnh viễn chẳng phải là không dung nạp được. Nhân dân Cực Lạc đến mười phương để cúng dường chư Phật Bồ-tát, những vật phẩm cúng dường cần thiết, vĩnh viễn không có cùng tận, giống như số vô hạn, giảm thế nào, chia thế nào, kết quả vẫn là lớn vô hạn.

“Cõi Phật thanh tịnh.”

Trong kinh nói, thế giới Cực Lạc “thanh tịnh trang nghiêm, vượt trội mười phương”. Thanh tịnh cũng là Phật hiệu, bản dịch thời Hán gọi A-di-đà Phật là Vô Lượng Thanh Tịnh Phật. Phật đều vô lượng, vô lượng quang, vô lượng thọ, vô lượng thanh tịnh, vô lượng trang nghiêm, đủ loại vô lượng. Do A-di-đà Phật là vô lượng thanh tịnh, tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, nên thế giới Cực Lạc là vô lượng thanh tịnh.

Hơn nữa, thế giới Cực Lạc chính là thế giới Hoa Tạng, cũng chính là thế giới Mật Nghiêm. Trong kinh Kim Cang Đánh nói: hai cõi Phật Mật Nghiêm và Hoa Tạng đều là tự tánh thanh tịnh của kim cương, không phải do vật phàm tạo thành. Và lại, Mật Nghiêm Pháp Tạng Sớ nói: “Cõi Mật Nghiêm này chỉ do tâm Như Lai tạng thanh tịnh hiện ra”. Điều này nói rõ cõi Mật Nghiêm là do tâm Như Lai tạng thanh tịnh của đức Như Lai ở cõi đó hiện ra. Vì vậy thế giới Cực Lạc là cõi nước thanh tịnh.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

A-nan nghe Phật nói rồi, liền bạch Thế Tôn rằng, Bồ-tát Pháp Tạng thành Bồ-đề, là Phật quá khứ, Phật vị lai, hay hiện đang ở thế giới phương khác? Thế Tôn dạy rằng, đức Phật Như Lai kia, đến không chỗ đến, đi không chỗ đi, không sanh không diệt, không có quá hiện vị lai. Chỉ vì hoàn thành thế nguyện độ sanh nên hiện ở Tây phương, cách Diêm-phù-đề trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi

Phật, có thể giới tên là Cực Lạc. Pháp Tạng thành Phật, hiệu là A-di-đà, thành Phật đến nay, đã mười kiếp, nay hiện đang thuyết pháp, có vô lượng vô số Bồ-tát, Thanh văn, cung kính vây quanh.

Tôi chia đoạn kinh văn này thành năm đoạn nhỏ để giải thích. Trước tiên, mời xem 12 câu kinh văn của đoạn nhỏ thứ nhất:

“A-nan nghe Phật nói rồi, liền bạch Thế Tôn rằng, Bồ-tát Pháp Tạng thành Bồ-đề, là Phật quá khứ, Phật vị lai, hay hiện đang ở thế giới phương khác? Thế Tôn dạy rằng, đức Phật Như Lai kia, đến không chỗ đến, đi không chỗ đi, không sanh không diệt, không có quá hiện vị lai.”

A-nan nghe Phật nói khai thị trên xong, liền hỏi Phật: tỳ-kheo Pháp Tạng đã thành Phật, vậy ngài là Phật quá khứ, hay Phật vị lai, hay là Phật hiện tại ở thế giới phương khác? Thế Tôn trả lời: Phật là từ nơi không có chỗ đến mà đến, hướng đến nơi không có chỗ đi mà đi.

Kinh Kim Cang nói: “Đức Như Lai ấy không từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai.” Hai cách nói này hoàn toàn nhất quán. “Đức Phật Như Lai kia” chính là A-di-đà Phật, là cảnh giới pháp thân. Pháp thân có mặt ở mọi nơi, chỗ nào cũng là nhà mình, vốn là một thể, thì sao có thể nói từ đâu đến, và đi về đâu.

Đại sư Linh Phong trong Kim Cang Kinh Phá Không Luận nói: chân như không từ chỗ bên ngoài tự thể mà đến, cũng không từ chỗ bên ngoài tự tánh mà đi, chỉ là tùy duyên thị hiện mà thôi.

Ví dụ, nước trong ao trong sạch, mặt trăng trên trời liền hiện ra. Mặt trăng không đi xuống, nước cũng không đi lên. Lúc trời âm u, trăng tuy không hiện, nhưng trăng trước sau vẫn là không đến không đi. Không phải nói lúc nhìn thấy trăng thì trăng liền đến bên trong nước, lúc không thấy trăng, trăng lại đi ra khỏi nước. Căn bản là không có đến đi, điều này đã đột phá không gian.

“Không sanh không diệt, không có quá hiện vị lai”, điều này đã đột phá thời gian. Chẳng phải sanh chẳng phải diệt, điều này hoàn toàn nhất quán với điều mà kinh Niết-bàn đã nói. Kinh Niết-bàn nói: “Các hành vô thường, là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui”, cũng chính là “sanh diệt diệt rồi, tịch diệt hiện tiền” mà trong chương Quán Thế Âm Bồ-Tát Viên Thông của kinh Lăng-nghiêm đã nói. Chúng sanh ở trong vọng, từng niệm từng niệm sanh diệt không dừng. Diệt sanh

diệt rồi, cho nên nói là “chẳng phải sanh, chẳng phải diệt”. Sanh diệt diệt rồi, không phải là đoạn diệt, mà là “tịch diệt là vui” và “tịch diệt hiện tiền”. Chương “Quán Âm nhĩ căn viên thông” nói: tịch diệt hiện tiền, đột nhiên siêu vượt thế gian và xuất thế gian, đạt được hai loại thù thắng.

Đây chính là điều trong Thiền tông nói: từ trong tro lạnh đột nhiên văng ra hạt đậu nóng. Ngay lúc lửa tắt tro lạnh, lại bật ra một hạt đậu nóng từ trong tro lạnh. Đây là tỉ dụ cho tình huống khai ngộ của Thiền tông. Hiện nay, có một số người lửa không tắt, tro không lạnh, mà dấn dấp một đám người, náo nhiệt giả thần giả quỷ. Điều này chỉ có thể là lừa mình gạt người, mọi người hồ đồ náo loạn một phen. Phải đến khi hết thấy “năng sở” đều trừ sạch, ngay cả năng diệt và sở diệt cũng hết, thì lúc đó mới là “bóng liễu hoa tươi một thôn làng”, chính là một khoảng trời riêng. Điểm này vô cùng quan trọng. Vô sanh vô diệt này không phải là đoạn diệt, mà là tịch diệt là vui. Bốn chữ “tịch diệt là vui” là con mắt của giáo pháp.

“Không có quá hiện vị lai”, hiện nay nhà khoa học lớn Einstein cũng đã hiểu, ông nói: thời gian là cảm nhận sai lầm của nhân loại. Có quá khứ, hiện tại, vị lai, chỉ là vì có vọng tưởng, niệm trước chính là quá khứ, hiện tại lại có một niệm chính là hiện tại, sau còn có một niệm tiếp theo sắp đến, chính là vị lai. Nếu lìa vọng niệm thì làm gì có quá khứ hiện tại vị lai! Người nhập thiền định, thường trải qua rất nhiều ngày mà không hay không biết.

Một lần nọ, tuyết rơi nhiều phủ kín ngọn núi, lão hòa thượng Hư Vân tĩnh tu trong núi, mọi người đều cho rằng ngài đã chết, thế là mọi người dùng sào dài dò đường, tìm đến chỗ lão hòa thượng bế quan. Mọi người dùng khánh để gõ cửa, đánh thức lão hòa thượng từ trong định tĩnh dậy. Mở cửa gặp nhau, mọi người vui mừng khôn xiết. Lão hòa thượng nói: “Tôi nấu khoai sọ rồi liền ngồi thiền. Các vị từ xa đến đây, chắc hẳn đã rất đói, tôi mời các vị ăn khoai sọ nha.” Ai ngờ mở nồi ra xem, lông của khoai sọ đã mọc rất dài. Mặc dù đã qua rất nhiều ngày, song lão hòa thượng chỉ cảm thấy mới có một lát.

Do vậy kinh Kim Cang nói: “Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được.” Tín Tâm Minh nói: “Không có quá khứ, tương lai, hiện tại.” Không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Điều này biểu thị ba đời quá hiện vị lai, vốn dĩ không có sự khác biệt, đều không rời một niệm của hành giả.

“Đến không chỗ đến, đi không chỗ đi” nói ở trên, biểu thị mười phương ở ngay nơi này. Khái niệm về thời gian và không gian mà người đời chấp trước, toàn bộ đều bị phá vỡ. Những điều nói trên là lý thể của pháp thân mà đại sĩ Pháp Tạng đã chứng, cũng chính là bến bờ chân thật của kinh này. Từ đây có thể hoàn toàn thấy rõ kinh này và kinh Kim Cang vốn không khác biệt. Di-đà thành Phật đã rõ ràng chứng được cảnh giới của pháp thân, tâm - Phật - chúng sanh ba thứ không khác biệt, nên còn có chúng sanh nào để độ nữa. Thế nhưng lý không chướng ngại sự, trong tịch diệt vừa khéo hiển bày đại dụng, cho nên tịch mà thường chiếu, lý sự viên dung. Hơn nữa nguyện này vô tận, cho nên phải rộng ban lợi ích chân thật, làm lợi ích cho khắp chúng sanh.

Tiếp theo, xem bốn câu kinh văn của đoạn nhỏ thứ hai:

“Chỉ vì hoàn thành thệ nguyện độ sanh nên hiện ở Tây phương, cách Diêm-phù-đề trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc.”

“Chỉ vì hoàn thành thệ nguyện độ sanh”, câu này thể hiện rõ vì sao Phật từ cảnh giới pháp thân, lưu hiện ra cõi nước Cực Lạc, thể gồm cả báo độ lẫn hóa độ, chỉ là để hoàn thành thệ nguyện độ chúng sanh. “Hoàn thành” là chỉ sự đền đáp. “Hoàn thành thệ nguyện” nói theo thông thường chính là hoàn nguyện. Tục ngữ nói, đã hứa rồi thì phải hoàn thành, phải thực hiện thệ nguyện của chính mình, cho nên gọi là “hoàn thành thệ nguyện”. Bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng là vì độ chúng sanh, đại nguyện này thành tựu rồi, nên đương nhiên phải hoàn thành thệ nguyện độ sanh.

Độ sanh như thế nào? Trong kinh nói: “Hiện ở Tây phương, cách Diêm-phù-đề trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc.” Chữ “hiện” có hai ý nghĩa:

Một là chỉ rằng, thế giới Cực Lạc là từ tâm thanh tịnh của tự tánh Như Lai lưu hiện ra.

Hai nghĩa là hiện tại. A-di-đà Phật hiện đang thuyết pháp.

“Tây phương” là chỉ riêng cho phía Tây. Đây là mật ý thù thắng vô thượng về “chỉ phương lập tướng, ngay sự là chân” của Mật tông. Như trong kinh Pháp Hoa nói: pháp mà Phật nói, tùy theo căn khí lợi độn khác nhau của chúng sanh mà có các

loại khác biệt. Danh hiệu, thọ lượng, v.v. của Phật đều tùy theo khả năng chúng sanh có thể tiếp nhận được mà nói.

“Hiện ở Tây phương” chính là phương tiện thù thắng “chỉ phương lập tướng, ngay sự là chân”. Đại sư Thiện Đạo chủ trương: vọng tâm của chúng sanh cõi Ta-bà xáo động, chỉ phương lập tướng còn chưa thể chuyên chú được, huống hồ không có phương không có tướng. Tức là tâm bộc phát thất thường. Vọng tâm của chúng sanh thường xuyên cuồng loạn vọng động, cho nên cần phải chỉ phương lập tướng, khiến họ có thể chuyên chú.

Kinh Phật Di Giáo nói: “Đặt tâm vào một chỗ, không việc gì không thành.” Đạo lý mà các ngài nói đều là như nhau.

Trong Thượng Đô Nghi nói: vì tâm của chúng sanh vô cùng cuồng loạn, muốn khiến vọng tâm của họ có thể chuyên chú vào một chỗ trước, vì thế chỉ định phương Tây và kiến lập các sự tướng như mạn-đà-la...Dùng cách này để nhiếp tâm của phàm phu, mà họ còn chưa làm được, huống hồ bảo họ rời phương bỏ tướng, họ làm sao bắt tay vào được?

Cho nên nói, trước tiên chúng ta đừng quan tâm đến họ có thể lìa tướng hay không, bạn cứ niệm như vậy là được. Đây là lòng từ bi lớn nhất của Phật. Bạn thực sự thà niệm rồi thì sẽ thâm hợp đạo mâu. Nếu cứ mãi toan tính có thể lìa tướng hay không, tu trì như vậy càng thêm khó khăn. Chỗ này tại sao nói là phương Tây? Chính là vì để độ chúng sanh.

Mật giáo có năm phương Phật, A-di-đà Phật là diệu quan sát trí, cũng vừa hay ở phương Tây, đây đều là khái niệm của Mật tông. Trên thực tế, chúng ta thường nói là Cực Lạc ở khắp mọi nơi, làm gì có phương hướng cố định. Trái đất nhỏ bé là hình tròn, bạn cứ đi mãi về phía Đông, cuối cùng, lại đi về chỗ cũ.

“Cách Diêm-phù-đề trăm ngàn câu-chi na-do-tha cõi Phật.” Trong bản dịch thời Ngụy, thời Đường đều là mười vạn ức cõi nước Phật, số liệu của kinh này lớn hơn bản dịch thời Ngụy một trăm lần. Chỗ này có thể có hai cách giải thích:

1. Phật là tùy theo căn khí khác nhau của chúng sanh, tùy duyên mà nói, vì thế có sự khác biệt.

2. “Trăm ngàn câu-chi na-do-tha” vốn dĩ không phải là một con số cụ thể. Ví dụ, trăm ngàn tam-muội, không phải là một trăm nhân với một ngàn, mà là nói có

rất nhiều tam-muội. Lại ví dụ, trăm ngàn vạn người đều không thể bằng, “trăm ngàn” nói ở đây cũng không phải là một con số chết cứng. Cho nên, số liệu khác nhau của hai bản dịch cũng không quan trọng, hưởng hồ vừa rồi đã nói không gian chỉ là vọng chấp, vậy còn có khoảng cách gì để bàn nữa. Tóm lại, Ta-bà và Cực Lạc đều ở trong tâm của chính mình.

Kinh nói: “Mười phương hư không sanh ra trong tâm tôi, tựa như một áng mây điểm trên bầu trời rộng lớn.” Vì thế nói xa nói gần đều là hý luận. Do vậy Quán kinh nói: “A-di-đà Phật cách chỗ này không xa.” Lời trong Sớ Sao của đại sư Liên Trì còn hay hơn: “Rõ ràng ngay trước mắt.” Nhìn như vậy thì Tịnh độ tông và Thiên tông có gì khác nhau đâu! Thế nào là mười vạn ức cõi nước, chỉ là “rõ ràng ngay trước mắt”. Ngay trước mắt quý vị, sao có thể nói là rất xa? Vì thế, chúng ta cần bớt đi một chút chấp trước, mới có thể vô ngại. Nếu cứ mãi sanh phân biệt, cứ mãi nghi ngờ, thì bị trói buộc rồi.

“Có thể giới tên là Cực Lạc.” “Thế” là chỉ thời gian, chỉ ba đời quá khứ, vị lai và hiện tại. “Giới” là chỉ không gian, chỉ cho bốn phương và trên dưới. Thời gian và không gian kết hợp lại với nhau, gọi là thế giới. Tên của thế giới này gọi là Cực Lạc. “Cực Lạc” trong tiếng Phạn gọi là Sukhāvatī, có thể dịch là An Lạc quốc, An Dưỡng quốc, Thanh Thái quốc, v.v. Trong Yếu Giải nói: vĩnh viễn thoát khỏi các khổ, lại an ổn bậc nhất. Trong Sớ Sao nói: Cực Lạc là niềm vui đạt đến tột đỉnh, các loại niềm vui của cõi người và cõi trời không thể sánh được, cho nên cõi nước này gọi là Cực Lạc. Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!